

Quảng Nam, ngày 22 tháng 7 năm 2024

ĐỀ CƯƠNG

Báo cáo cử tri về kết quả kỳ họp thứ 19, 20, 21, 22, 23 và 24

Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X

(Ban hành kèm theo Thông báo: 28/TB-HĐND ngày 22/7/2024
của HĐND tỉnh - Phục vụ đại biểu HĐND tỉnh tiếp xúc cử tri)

Kính gửi: Các vị đại biểu HĐND tỉnh

I. Kết quả thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2024

Trong 6 tháng đầu năm 2024, tình hình kinh tế - xã hội (KT-XH) có xu hướng phục hồi tích cực so với năm 2023 và phát triển trên hầu hết các lĩnh vực, cụ thể như sau:

1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế tăng 2,7%; kinh tế với đà phát triển tích cực ở cả 3 khu vực nông nghiệp, thương mại dịch vụ và công nghiệp

- Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) 6 tháng đầu năm 2024 tăng 2,7% so với cùng kỳ; tăng trưởng kinh tế của tỉnh đã có chuyển biến tích cực, tạm thời chấm dứt đà tăng trưởng âm trong quý I (giảm 1,5%), đạt mức tăng trưởng dương vào quý II (tăng 6,5%).

- Quy mô nền kinh tế gần 59 nghìn tỷ đồng; xếp vị thứ 26/63 tỉnh, thành phố; xếp vị thứ 7/14 tỉnh Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung; xếp vị thứ 3/5 tỉnh trong khu vực kinh tế trọng điểm miền Trung (sau Đà Nẵng và Bình Định).

- Khu vực công nghiệp - xây dựng tăng 4,7% so với cùng kỳ. Ngành công nghiệp tăng 4,4%, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo có mức đóng góp cao nhất, tăng 12%; ngành xây dựng tăng 6,1%. Chỉ số sản xuất ngành công nghiệp tăng 5,8%; trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 7,8%.

- Khu vực dịch vụ tăng 4,4% so với cùng kỳ. Tổng lượt khách tham quan, lưu trú du lịch đạt 4,6 triệu lượt, tăng 18%; trong đó: khách quốc tế đạt gần 3,1 triệu lượt, tăng 27% và khách nội địa đạt 1,5 triệu lượt, tăng 4%. Doanh thu du lịch đạt 3.870 tỷ đồng, tăng 11% và thu nhập xã hội từ du lịch đạt 9.095 tỷ đồng.

- Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản đảm bảo tiến độ; khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,0% so với cùng kỳ.

2. Công tác quản lý điều hành ngân sách nhà nước (NSNN) được chủ đạo và nâng cao hiệu quả; các giải pháp tín dụng hỗ trợ doanh nghiệp, người dân được đẩy mạnh

- Tổng thu NSNN 6 tháng là 12.221 tỷ đồng, đạt 51,8% dự toán HĐND tỉnh giao (23.600 tỷ đồng), tăng 2,5% so với cùng kỳ; trong đó, thu nội địa 10.152 tỷ đồng, đạt 50,51% và thu xuất nhập khẩu 3.224 tỷ đồng, đạt 59%.

- Tổng kim ngạch hàng hoá xuất nhập khẩu gần 2,1 tỷ USD, tăng 11,2%;

gồm kim ngạch xuất khẩu đạt 0,9 tỷ USD, tăng 2,6% và kim ngạch nhập khẩu đạt gần 1,2 tỷ USD, tăng 18,9%.

- Tổng nguồn vốn huy động các tổ chức tín dụng hơn 89,7 nghìn tỷ đồng, tăng 11,4% so với cùng kỳ; dư nợ cho vay đạt 109 nghìn tỷ đồng, tăng 3,7%.

- Chỉ số giá tiêu dùng tháng 6 tăng 0,31% so với tháng trước; trong đó, khu vực thành thị tăng 0,29%; khu vực nông thôn tăng 0,32%. Tính chung 6 tháng đầu năm, CPI tăng 4,82% so với cùng kỳ.

3. Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội tăng so với cùng kỳ; giải ngân vốn đầu tư công chưa đạt kế hoạch đề ra; công tác quy hoạch được đẩy mạnh thực hiện

- Tổng vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội trên địa bàn tỉnh gần 17,7 nghìn tỷ đồng, tăng 21,3% so với cùng kỳ. Tổng vốn đầu tư công năm 2024 là 8.884 tỷ đồng. Tính đến ngày 30/6/2024, giải ngân 2.105 tỷ đồng, đạt 23,7%, cao hơn so với cùng kỳ năm 2023 (20,6%). Trong đó, kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 giải ngân 1.667 tỷ đồng, đạt 23,6%; kế hoạch vốn năm 2023 kéo dài giải ngân 438 tỷ đồng, đạt 24%.

- Tổ chức thành công Hội nghị công bố Quy hoạch tỉnh Quảng Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và khai mạc Năm phục hồi đa dạng sinh học quốc gia - Quảng Nam 2024 vào ngày 16/3/2024. Hiện nay, Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh đang hoàn chỉnh nội dung để lấy ý kiến các Bộ, ngành liên quan trước khi trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Công tác quản lý quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, trật tự xây dựng được tập trung thực hiện. Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp đang phối hợp với các đơn vị, địa phương liên quan đẩy mạnh triển khai công tác lập Quy hoạch phân khu và thẩm định, phê duyệt các đề án cho một số khu công nghiệp trong khu kinh tế.

4. Công tác hỗ trợ doanh nghiệp và xúc tiến, thu hút đầu tư được đẩy mạnh; đầu tư nước ngoài, đầu tư trong nước đều tăng về số dự án và số vốn đăng ký

- Tổ chức tiếp doanh nghiệp thường xuyên, định kỳ để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; cập nhật, tổng hợp các kiến nghị của doanh nghiệp để kịp thời báo cáo cơ quan có thẩm quyền chỉ đạo giải quyết.

- Tính đến ngày 30/6/2024, có 588 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với số vốn đăng ký 3.335 tỷ đồng. Đã cấp mới 7 dự án FDI với tổng vốn đăng ký 124 triệu USD, cấp mới 15 dự án đầu tư trong nước với vốn đăng ký hơn 4.245 tỷ đồng. Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 198 dự án đầu tư nước ngoài còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký 6,2 tỷ USD.

- Tổ chức thành công tuần lễ Khởi nghiệp sáng tạo tỉnh Quảng Nam lần thứ 5 - Techfest Quang Nam 2024 với chủ đề “Tài sản trí tuệ và công nghệ số - Nền tảng khởi nghiệp sáng tạo”; đây là cơ hội mở rộng liên kết và ứng dụng công nghệ số nhằm giới thiệu, quảng bá, trưng bày dự án, sản phẩm khởi nghiệp sáng tạo, sản phẩm OCOP và sản phẩm công nghiệp, nông thôn tiêu biểu xứ Quảng.

5. Công tác phòng, chống dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe Nhân dân được tăng cường; chất lượng giáo dục được nâng cao; ngành văn hóa thể thao đạt nhiều kết quả khả quan

- Công tác khám, chữa bệnh hệ thống y tế được tiếp tục quan tâm chỉ đạo, hoạt động hiệu quả, đảm bảo được tính kết nối giữa các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa, giữa các tuyến.

- Thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018; chú trọng giáo dục theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất cho học sinh, giáo dục kỹ năng sống, hoạt động trải nghiệm. Tổ chức thành công Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc lần thứ X năm 2024, khu vực III với sự tham gia của 2.135 vận động viên đến từ 12 tỉnh, thành ven biển miền Trung.

- Công tác bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa luôn được quan tâm. Hoạt động thể thao phong trào được duy trì, thể thao thành tích cao có chuyển biến tốt.

6. Công tác giảm nghèo, an sinh xã hội được quan tâm và thực hiện kịp thời; công tác bảo vệ môi trường, ứng dụng khoa học công nghệ được tăng cường

- Công tác giảm nghèo bền vững, các chính sách giảm nghèo năm 2024 và Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững được tập trung chỉ đạo. Các chính sách an sinh xã hội, chăm sóc người có công với cách mạng luôn được quan tâm, chi trả chế độ trợ cấp xã hội đầy đủ, kịp thời. Tích cực triển khai công tác xoá nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023-2025.

- Lĩnh vực khoa học công nghệ được tập trung thực hiện trong năm 2024; trong đó, chú trọng các nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật và công nghệ tiên tiến phục vụ trực tiếp cho sản xuất và đời sống.

- Đăng cai tổ chức Năm phục hồi đa dạng sinh học quốc gia - Quảng Nam 2024 với chủ đề “Chung sống hài hòa với thiên nhiên” gồm 37 sự kiện, hoạt động diễn ra xuyên suốt từ tháng 3 - 11/2024, góp phần nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của bảo tồn đa dạng sinh học.

- Tăng cường kiểm tra, quản lý tài nguyên khoáng sản, bảo vệ môi trường; xây dựng hoàn thành các khu chứa xử lý rác thải, việc thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải đảm bảo an toàn và đáp ứng các tiêu chí về môi trường.

7. Công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số được triển khai quyết liệt; công tác thanh tra, tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo có trọng tâm, trọng điểm

- Thực hiện đồng bộ, hiệu quả kế hoạch công tác cải cách hành chính năm và chuyển đổi số năm 2024. Các nhiệm vụ Đề án 06 tiếp tục được tập trung triển khai; trong đó, đẩy mạnh thực hiện đối với các dịch vụ công thiết yếu trên môi trường điện tử và thanh toán phí, lệ phí trực tuyến.

- Việc xây dựng và phê duyệt Đề án vị trí việc làm của tỉnh đảm bảo quy định của Trung ương; đến nay, UBND tỉnh phê duyệt 143 Đề án vị trí việc làm.

- Công tác thanh tra đảm bảo có trọng tâm, trọng điểm; tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện thường xuyên, nghiêm túc. Công tác phòng

chống tham nhũng tiếp tục được đẩy mạnh và triển khai đồng bộ, hiệu quả. Tích cực triển khai kết luận của các Đoàn Kiểm tra Trung ương, Thanh tra Chính phủ, Kiểm toán ngân sách và các Đoàn giám sát chuyên đề của Trung ương.

8. Công tác quốc phòng được tăng cường; tình hình an ninh trật tự trên địa bàn ổn định; hoạt động đối ngoại tiếp tục được củng cố

- Quốc phòng, an ninh được củng cố, chủ quyền biên giới quốc gia được giữ vững. Các lực lượng vũ trang duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu ở cơ quan, đơn vị theo quy định. Hoàn thành tốt công tác giao nhận quân (đạt 100% chỉ tiêu đề ra), ra quân huấn luyện năm 2024.

- Công tác quản lý nhà nước về các hoạt động đối ngoại được thực hiện nghiêm túc, đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Tổ chức, quản lý đoàn ra, đoàn vào kịp thời. Công tác phi chính phủ nước ngoài đạt được một số kết quả đáng khích lệ. Công tác ngoại giao văn hóa, ngoại giao kinh tế được chú trọng.

*** Đánh giá chung**

- Tình hình KT-XH 6 tháng đầu năm đã khởi sắc hơn cùng kỳ trên hầu hết các lĩnh vực, tạo đà cho sự phát triển trong những tháng còn lại của năm 2024:

+ Tốc độ tăng trưởng GRDP tăng 2,7%; sản xuất công nghiệp đã có sự phục hồi, hoạt động thương mại dịch vụ diễn ra sôi nổi, khách quốc tế tăng mạnh và sản xuất nông nghiệp đảm bảo tiến độ, tăng trưởng toàn diện;

+ Thu, chi NSNN được bảo đảm theo dự toán; giá trị xuất nhập khẩu duy trì mức tăng khá là điểm sáng của nền kinh tế; thu hút đầu tư trong nước và nước ngoài đều tăng mạnh về số dự án và vốn đăng ký.

+ Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao được tổ chức đa dạng, hiệu quả, đáp ứng nhu cầu thụ hưởng văn hóa, tinh thần của Nhân dân.

+ Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, chăm sóc người có công với cách mạng, giảm nghèo.

+ Công tác cải cách hành chính và chuyển đổi số được đẩy mạnh; công tác quân sự địa phương được tăng cường; an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được đảm bảo.

- Tuy nhiên, tình hình kinh tế - xã hội vẫn còn một số tồn tại, hạn chế:

+ Tình hình kinh tế vẫn chưa thật sự phục hồi, nhất là sản xuất công nghiệp; một số nguồn thu đạt thấp.

+ Doanh nghiệp của tỉnh vẫn gặp khó khăn với số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường nhiều hơn số doanh nghiệp thành lập mới.

+ Giải ngân vốn đầu tư công còn chậm, chưa đạt so với kế hoạch đề ra.

+ Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng còn nhiều vướng mắc.

+ Công tác lập Quy hoạch chung, Quy hoạch nông thôn mới tại một số địa phương còn chậm.

+ Tiến độ triển khai các dự án, công trình trọng điểm chưa bảo đảm đúng tiến độ; tiến độ thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, phục hồi và phát triển kinh tế còn chậm.

+ Tình hình an ninh trật tự vẫn tiềm ẩn yếu tố khó lường; khiếu nại, tố cáo liên quan đến đất đai còn phức tạp, kéo dài ở một số địa phương. Tai nạn giao thông tăng cả 3 tiêu chí so với cùng kỳ.

II. Bổ sung nhiệm vụ, giải pháp triển khai thực hiện trong những tháng cuối năm 2024

1. Khẩn trương hoàn chỉnh Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Quảng Nam thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để sớm triển khai thực hiện. Tổ chức xây dựng kế hoạch kinh tế - xã hội năm 2025 theo Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 22/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Quyết liệt thực hiện các giải pháp thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công, đẩy mạnh công tác giải phóng mặt bằng, tiến độ thi công các dự án, công trình trọng điểm; trong đó, ưu tiên giải ngân kế hoạch vốn năm 2023 kéo dài, kế hoạch vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia và Chương trình phục hồi phát triển KT-XH.

Kiên quyết điều chuyển kế hoạch vốn năm 2024 từ các dự án không có khả năng giải ngân hoặc giải ngân không đạt tiến độ để bổ sung cho các công trình, dự án giải ngân cao, có nhu cầu bổ sung kế hoạch vốn đảm bảo theo quy định. Rà soát, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025; tập trung xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 và kế hoạch đầu tư công năm 2025

3. Tăng cường công tác quản lý thu, đẩy mạnh khai thác nguồn thu, chống thất thu. Thường xuyên theo dõi diễn biến tình hình thu NSNN hằng tháng, tổ chức quản lý tốt các nguồn thu, đánh giá, phân tích cụ thể từng địa bàn, từng khu vực thu, từng sắc thuế, đặc biệt là hoạt động các doanh nghiệp có số thu lớn trên địa bàn.

Chủ động tổ chức điều hành chi ngân sách bám sát dự toán và tiến độ thu, định kỳ hằng quý đánh giá lại khả năng thu NSNN để chủ động điều hành chi ngân sách theo quy định.

4. Tập trung triển khai hiệu quả kế hoạch xúc tiến đầu tư năm 2024; thường xuyên rà soát, thông kê, báo cáo các dự án chậm tiến độ để đề xuất các giải pháp giải quyết dứt điểm từng dự án hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, chỉ đạo đề thúc đẩy tiến độ các dự án.

Tiếp tục giải quyết dứt điểm những tồn đọng đã có kết luận kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với các dự án đầu tư có sử dụng đất. Nắm bắt tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; đồng hành và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp ổn định và phát triển; hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận thị trường tiêu thụ sản phẩm, đặc biệt là sản phẩm OCOP.

5. Chú trọng các lĩnh vực văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, ứng dụng chuyển giao khoa học và công nghệ. Tổ chức thực hiện hiệu quả công tác an sinh

xã hội; quan tâm hỗ trợ kịp thời người có công, đối tượng chính sách. Triển khai các giải pháp cụ thể phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn; tổ chức trực ban, theo dõi chặt chẽ tình hình thời tiết, diễn biến của thiên tai, tăng cường kiểm tra, đôn đốc bảo vệ an toàn cho hệ thống đê điều, hồ đập xung yếu.

Chuẩn bị chu đáo các nội dung tổ chức Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số cấp huyện, cấp tỉnh lần thứ IV và các hoạt động lớn còn lại trong các tháng cuối năm. Triển khai kế hoạch tổ chức các hoạt động kỷ niệm 50 năm ngày giải phóng tỉnh Quảng Nam (24/3/1975-24/3/2025) và 95 năm ngày thành lập Đảng bộ tỉnh Quảng Nam (28/3/1930-28/3/2025).

6. Thực hiện Phương án tổng thể về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023-2025 đảm bảo yêu cầu và tiến độ. Nghiên cứu, triển khai thực hiện các nội dung liên quan cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức sau khi có các văn bản hướng dẫn thi hành.

Tiếp tục triển khai Đề án 06 trên cơ sở huy động sự tham gia tích cực của người dân, doanh nghiệp. Tập trung đánh giá, phân tích chuyên sâu kết quả thực hiện nhằm cải thiện, nâng cao kết quả đối với các chỉ số: PAR INDEX, PCI, SIPAS, PAPI). Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa ngành, địa phương trong xử lý các vấn đề có tính liên ngành.

7. Thực hiện tốt công tác quốc phòng và an ninh, đảm bảo trật tự an toàn xã hội, nhất là đảm bảo an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh kết hợp bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Triển khai đồng bộ, hiệu quả hoạt động đối ngoại, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế.

Thủ trưởng cơ quan hành chính các cấp tăng cường nắm bắt tình hình thực tế, dành thời gian để trực tiếp đối thoại, giải thích, trả lời kiến nghị của người dân, tập trung giải quyết dứt điểm các vụ việc nổi cộm, gây bức xúc dư luận xã hội; nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, nhất là các vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp, kéo dài.

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; chấn chỉnh, khắc phục việc né tránh, đùn đẩy trách nhiệm; thực hiện hiệu quả quy định về bảo vệ cán bộ, dám nghĩ, dám làm.

III. Các Nghị quyết được thông qua tại kỳ họp thứ 19, 20, 21, 22, 23 và 24: Từ đầu năm 2024 đến nay, HĐND tỉnh khóa X đã tổ chức 06 kỳ họp, xem xét, quyết định nhiều vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền; ban hành 62 nghị quyết trong đó có 21 nghị quyết quy phạm pháp luật và 41 nghị quyết cá biệt. *(Kèm theo phụ lục các nghị quyết được thông qua tại kỳ họp thứ 19, 20, 21, 22, 23 và 24):*

1. Kỳ họp thứ 19 (tổ chức ngày 29/12/2023): Kỳ họp chuyên đề HĐND tỉnh đã thực hiện lấy phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân bầu; thông qua 10 nghị quyết (02 nghị quyết quy phạm pháp luật và 08 nghị quyết cá biệt). Nội dung cơ bản của một số cơ chế, chính sách được HĐND tỉnh ban hành tại kỳ họp thứ 19 như sau:

- Quy định chính sách hỗ trợ tinh giản biên chế thuộc diện dôi dư khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2023 - 2025 (Nghị quyết số 37/2023/NQ-HĐND ngày 29/12/2023)

+ Đối tượng áp dụng: (1) Cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã dôi dư khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 đủ điều kiện nghỉ hưu trước tuổi, thôi việc ngay theo quy định tại Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ, được cấp có thẩm quyền phê duyệt nghỉ công tác trong thời gian 24 tháng kể từ khi có quyết định sắp xếp đơn vị hành chính. (2) Người hoạt động không chuyên trách cấp xã dôi dư khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023 - 2025, được cấp có thẩm quyền phê duyệt nghỉ công tác trong thời gian 12 tháng kể từ khi có quyết định sắp xếp đơn vị hành chính.

+ Chính sách hỗ trợ: Ngoài chế độ, chính sách tinh giản biên chế được hưởng theo quy định tại Nghị định số 29/2023/NĐ-CP của Chính phủ, đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị quyết này được hỗ trợ thêm như sau:

(1) Đối với nghỉ hưu trước tuổi: Hỗ trợ thêm một lần bằng 70% tổng kinh phí được hưởng theo chính sách tinh giản biên chế quy định tại Nghị định số 29/2023/NĐ-CP (không bao gồm chính sách hỗ trợ quy định tại Điều 9 Nghị định số 29/2023/NĐ-CP), nhưng không thấp hơn 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng)/01 trường hợp.

(2) Đối với thôi việc ngay: (a) Cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã: Được hỗ trợ thêm một lần bằng 80% tổng kinh phí được hưởng theo chính sách tinh giản biên chế quy định tại Nghị định số 29/2023/NĐ-CP (không bao gồm chính sách hỗ trợ quy định tại Điều 9 Nghị định số 29/2023/NĐ-CP), nhưng không thấp hơn 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng)/01 trường hợp. (b) Người hoạt động không chuyên trách cấp xã: Hỗ trợ một lần theo thời gian công tác, cụ thể: Thời gian công tác dưới 05 năm: hỗ trợ 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng)/01 trường hợp. Thời gian công tác từ đủ 05 năm đến dưới 10 năm: hỗ trợ 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng)/01 trường hợp. Thời gian công tác từ đủ 10 năm trở lên: hỗ trợ 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng)/01 trường hợp.

(3) Đối tượng đã hưởng chính sách hỗ trợ tại các khoản 1, 2 Điều này nếu được bầu cử, tuyển dụng lại vào các cơ quan, tổ chức, đơn vị hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong thời gian 60 tháng kể từ ngày thực hiện tinh giản biên chế thì phải hoàn trả lại số tiền hỗ trợ đã nhận cho cơ quan, tổ chức, đơn vị chi trả.

2. Kỳ họp thứ 20 (tổ chức ngày 23/01/2024): Kỳ họp chuyên đề HĐND tỉnh đã thông qua 12 nghị quyết (08 nghị quyết quy phạm pháp luật và 04 nghị quyết cá biệt). Nội dung cơ bản của một số cơ chế, chính sách được HĐND tỉnh ban hành tại kỳ họp thứ 20 như sau:

2.1. Quy định mức chi giải thưởng cho thí sinh đạt giải tại cuộc thi “Học trò xứ Quảng” trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (Nghị quyết số 05/2024/NQ-HĐND ngày 23/01/2024)

- Đối tượng áp dụng: Học sinh đang học các lớp 10, 11, 12 của các trường trung học phổ thông, trung học phổ thông chuyên, phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh tham gia và đạt giải cuộc thi “Học trò xứ Quảng”.

- Mức chi:

TT	Cuộc thi	Thứ hạng	Mức giải thưởng (vnd)
1	Thi tháng	Nhất (01 giải)	3.500.000
		Nhì (01 giải)	2.500.000
		Ba (02 giải)	1.700.000
2	Thi quý	Nhất (01 giải)	7.500.000
		Nhì (01 giải)	5.000.000
		Ba (02 giải)	3.500.000
3	Chung kết năm	Nhất (01 giải)	15.000.000
		Nhì (01 giải)	10.000.000
		Ba (02 giải)	7.000.000

2.2. Quy định nội dung, mức hỗ trợ bảo tồn, phát huy giá trị Di sản văn hóa phi vật thể Nghệ thuật Bài chòi trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2024 – 2030 (Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 23/01/2024)

- Đối tượng áp dụng: (a) Các câu lạc bộ/đội/nhóm Bài chòi được cấp có thẩm quyền ban hành quyết định thành lập, có quy chế, điều lệ, tổ chức các hoạt động và duy trì sinh hoạt thường xuyên. (b) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác hỗ trợ bảo tồn, phát huy giá trị Di sản văn hóa phi vật thể Nghệ thuật Bài chòi trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

- Nội dung và mức hỗ trợ:

(1) Hỗ trợ kiểm kê, sưu tầm Di sản văn hóa phi vật thể Nghệ thuật Bài chòi: (a) Hỗ trợ nghiên cứu, kiểm kê: 100.000.000 đồng/năm. Thời gian hỗ trợ: 02 năm. (b) Hỗ trợ sưu tầm hiện vật, kịch bản, hình ảnh, nhạc cụ, trang phục liên quan Di sản văn hóa phi vật thể Nghệ thuật Bài chòi phục vụ công tác trưng bày tại Bảo tàng Quảng Nam: 100.000.000 đồng/năm. Thời gian hỗ trợ: 03 năm.

(2) Hỗ trợ số hóa, tư liệu hóa Di sản văn hóa phi vật thể Nghệ thuật Bài chòi: 150.000.000 đồng/năm. Thời gian hỗ trợ: 02 năm.

(3) Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị và duy trì hoạt động các câu lạc bộ/đội/nhóm Bài chòi tại cộng đồng: (a) Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị cho câu lạc bộ/đội/nhóm Bài chòi, gồm: mua sắm nhạc cụ (bộ trống, đàn ghi ta phím lõm, đàn kìm, đàn nhị, đàn bầu...); mua sắm đạo cụ (chòi, thẻ bài, cờ, trang phục); mua sắm âm thanh (loa, chân loa, âm ly, micro): 60.000.000 đồng/câu lạc bộ/đội/nhóm. Phương thức hỗ trợ: 01 lần. (b) Hỗ trợ duy trì hoạt động: 9.000.000 đồng/câu lạc bộ/đội/nhóm/năm. Thời gian hỗ trợ: tối đa 07 năm.

(4) Hỗ trợ truyền dạy, bồi dưỡng, thực hành Di sản văn hóa phi vật thể Nghệ thuật Bài chòi: (a) Hỗ trợ tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng về công tác quản lý Di sản văn hóa phi vật thể Nghệ thuật Bài chòi cho đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa các cấp trên địa bàn tỉnh: 70.000.000 đồng/lớp. Số lượng: 02 lớp. (b) Hỗ

trợ tổ chức các lớp truyền dạy kỹ năng thực hành, trao truyền di sản của thành viên câu lạc bộ/đội/nhóm Bài chòi và cộng đồng: 110.000.000 đồng/lớp (trong đó bao gồm hỗ trợ kinh phí ăn, đi lại cho các học viên không hưởng lương từ ngân sách nhà nước tham gia lớp tập huấn: 100.000 đồng/người/ngày). Số lượng: 03 lớp/năm. Thời gian hỗ trợ: 07 năm. (c) Hỗ trợ truyền dạy thí điểm Di sản văn hóa phi vật thể Nghệ thuật Bài chòi cho 80 câu lạc bộ/đội/nhóm Bài chòi tại 80 trường học: 20.000.000 đồng/câu lạc bộ/đội/nhóm/trường học. Phương thức hỗ trợ: 01 lần. (d) Hỗ trợ duy trì hoạt động cho 80 câu lạc bộ/đội/nhóm Bài chòi tại 80 trường học: 7.000.000 đồng/trường/năm. Thời gian hỗ trợ: 06 năm. (e) Hỗ trợ tổ chức tập huấn, truyền dạy Di sản văn hóa phi vật thể Nghệ thuật Bài chòi cho các Nghệ sỹ, diễn viên trẻ kế cận: 130.000.000 đồng/lớp. Số lượng: 02 lớp.

(5) Hỗ trợ tổ chức các đợt sáng tác các tác phẩm dân ca Bài chòi (gồm các thể loại: biên soạn lời mới, tiểu phẩm, kịch, ca cảnh...) về truyền thống lịch sử, văn hóa và vùng đất, con người Quảng Nam: 200.000.000 đồng/đợt. Số lượng: 02 đợt.

(6) Hỗ trợ tuyên truyền, quảng bá Di sản văn hóa phi vật thể Nghệ thuật Bài chòi: (a) Hỗ trợ tuyên truyền, quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng ở tỉnh và trung ương: 100.000.000 đồng/năm. Thời gian hỗ trợ: 07 năm. (b) Hỗ trợ quảng bá, giới thiệu trong các ấn phẩm du lịch Quảng Nam: 30.000.000 đồng/năm. Thời gian hỗ trợ: 07 năm. (c) Hỗ trợ xây dựng các ấn phẩm (sách, ấn phẩm, ghi âm, ghi hình): 150.000.000 đồng/năm. Thời gian hỗ trợ: 07 năm. (d) Hỗ trợ tổ chức các hội thi, liên hoan, hội diễn về Di sản văn hóa phi vật thể Nghệ thuật Bài chòi: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 35/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định nội dung, mức chi tổ chức cuộc thi, hội thi, hội diễn thuộc lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, báo chí trên địa bàn tỉnh Quảng Nam. Thời gian tổ chức định kỳ 2 năm 1 lần.

- Kinh phí thực hiện: Tổng kinh phí thực hiện giai đoạn 2024 - 2030: khoảng 23,7 tỷ đồng. Trong đó, ngân sách cấp tỉnh: 17,9 tỷ đồng; ngân sách cấp huyện: 5,8 tỷ đồng.

3. Kỳ họp thứ 21 (tổ chức ngày 08/4/2024): Kỳ họp chuyên đề HĐND tỉnh, đã thông qua 06 nghị quyết cá biệt.

4. Kỳ họp thứ 22 (tổ chức ngày 23/4/2024): Kỳ họp chuyên đề HĐND tỉnh, đã thông qua 08 nghị quyết (05 nghị quyết quy phạm pháp luật và 03 nghị quyết cá biệt). Nội dung cơ bản của một số cơ chế, chính sách được HĐND tỉnh ban hành tại kỳ họp thứ 22 như sau:

4.1. Quy định mức chi chế độ dinh dưỡng đặc thù và một số chính sách hỗ trợ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao tỉnh Quảng Nam (Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 23/4/2024)

- Đối tượng áp dụng: (1) Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển tỉnh, đội tuyển trẻ tỉnh, đội tuyển năng khiếu tỉnh, đội tuyển thể thao quần chúng cấp tỉnh tập trung đào tạo, tập huấn, thi đấu các giải thể thao thành tích cao, giải thể thao quần chúng, giải thể thao khác theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền. (2) Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển năng khiếu tỉnh đào tạo, tập luyện tại

cơ sở theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền. (3) Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển thể thao cấp huyện được tập trung tập huấn, thi đấu theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền. (4) Huấn luyện viên, vận động viên được cử đi tập huấn, thi đấu các giải thể thao quốc tế theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh. (5) Các tổ chức, cá nhân có liên quan.

- Mức chi dinh dưỡng đặc thù:

(1) Chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian tập trung đào tạo, tập huấn, thi đấu theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền như sau:

Đơn vị tính: đồng/người/ngày

TT	Đối tượng	Mức chi	
		Trong thời gian tập trung đào tạo, tập huấn	Trong thời gian tập trung thi đấu
1	Đội tuyển năng khiếu tỉnh	160.000	240.000
2	Đội tuyển thể thao quần chúng cấp tỉnh	200.000	240.000
3	Đội tuyển thể thao cấp huyện	160.000	200.000

Thời gian hưởng chế độ dinh dưỡng của các huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển thể thao căn cứ số ngày có mặt tập trung theo quyết định triệu tập đào tạo, tập huấn, thi đấu của cơ quan có thẩm quyền (bao gồm ngày nghỉ phục hồi, Chủ nhật, ngày lễ, Tết).

Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển tỉnh, đội tuyển trẻ tỉnh tham gia thi đấu các giải thể thao do Cục Thể dục thể thao, Hiệp hội Thể thao quốc gia tổ chức ngoài các giải thể thao thành tích cao theo quy định tại khoản 2, 4, 5, 6, 7 Điều 37 Luật Thể dục, thể thao năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2018 thì được hưởng mức dinh dưỡng thi đấu như điểm a khoản 2 Điều 3 Thông tư số 86/2020/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

(2) Chế độ dinh dưỡng của huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển năng khiếu tỉnh đào tạo, tập luyện tại cơ sở như sau:

Đơn vị tính: đồng/người/buổi

TT	Đối tượng	Mức chi trong thời gian đào tạo, tập luyện
1	Huấn luyện viên	160.000
2	Vận động viên	55.000

Thời gian chi chế độ dinh dưỡng cho huấn luyện viên, vận động viên được tính theo thực tế tại các buổi tập luyện nhưng không quá 05 buổi/tuần.

(3) Chế độ thực phẩm chức năng một ngày trong thời gian tập huấn trước thi đấu và thi đấu cho vận động viên tham gia các giải thể thao thành tích cao, giải thể thao quần chúng được quy định như sau:

Đơn vị tính: đồng/người/ngày

TT	Đối tượng	Mức chi
1	Đội tuyển: tỉnh, trẻ tỉnh, năng khiếu tỉnh; đội tuyển thể thao quần chúng cấp tỉnh	30.000
2	Đội tuyển thể thao cấp huyện	20.000

Thời gian chi chế độ thực phẩm chức năng cho vận động viên được tính theo thực tế tại các buổi tập luyện và thi đấu nhưng không quá 60 ngày/năm/người.

- Nguồn kinh phí thực hiện: (1) Ngân sách tỉnh đảm bảo kinh phí thực hiện chế độ dinh dưỡng đặc thù, chế độ hỗ trợ đối với đội tuyển cấp tỉnh. Dự kiến tổng kinh phí: khoảng 21 tỷ đồng/năm. (2) Ngân sách huyện, thị xã, thành phố đảm bảo kinh phí thực hiện chế độ dinh dưỡng đặc thù, chế độ hỗ trợ đối với đội tuyển thể thao cấp huyện. (3) Kinh phí thực hiện chế độ thực phẩm chức năng đối với vận động viên thể thao cân đối trong dự toán chi thường xuyên - kinh phí sự nghiệp thể dục thể thao được giao hàng năm của các đơn vị.

4.2. Quy định nội dung và mức hỗ trợ để thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023-2025 (Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 23/4/2024)

- Đối tượng áp dụng: Các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh thuộc diện sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025.

- Nội dung hỗ trợ: Xây dựng Đề án, tổ chức tuyên truyền, vận động, tổ chức lấy ý kiến cử tri và các nhiệm vụ cần thiết khác do sắp xếp đơn vị hành chính.

- Mức hỗ trợ: (a) Hỗ trợ cho mỗi đơn vị hành chính cấp huyện thực hiện sắp xếp: 1.000 triệu đồng/đơn vị. (b) Hỗ trợ cho mỗi đơn vị hành chính cấp xã thực hiện sắp xếp: 200 triệu đồng/đơn vị.

- Nguồn kinh phí thực hiện: Từ nguồn ngân sách tỉnh.

5. Kỳ họp thứ 23 (tổ chức ngày 21/6/2024): Kỳ họp chuyên đề HĐND tỉnh, đã thông qua 06 nghị quyết (01 nghị quyết quy phạm pháp luật và 05 nghị quyết cá biệt). Nội dung cơ bản của một số cơ chế, chính sách được HĐND tỉnh ban hành tại kỳ họp thứ 23 như sau:

- Quy định tiêu chí thành lập, tiêu chí số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; chế độ, chính sách đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 23/4/2024)

- Đối tượng áp dụng: Lực lượng tham gia BVANTT ở cơ sở và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

- Tiêu chí thành lập và tiêu chí số lượng thành viên Tổ BVANTT:

(1) Tiêu chí thành lập: Mỗi thôn, tổ dân phố thành lập 01 Tổ BVANTT. Tổ BVANTT gồm Tổ trưởng, 01 Tổ phó và Tổ viên.

(2) Tiêu chí số lượng thành viên Tổ BVANTT: (a) Thôn dưới 350 hộ gia đình, tổ dân phố dưới 500 hộ gia đình: 03 thành viên/Tổ. (b) Thôn có từ 350 hộ gia đình, tổ dân phố có từ 500 hộ gia đình trở lên, ngoài số lượng quy định tại

điểm a khoản này cứ tăng thêm đủ 175 hộ gia đình đối với thôn, đủ 165 hộ gia đình đối với tổ dân phố thì thêm 01 thành viên/Tổ. (c) Thôn, tổ dân phố tại các điểm a, b khoản này thuộc xã, phường, thị trấn trọng điểm về quốc phòng, an ninh thì thêm 01 thành viên/Tổ. (d) Số lượng thành viên Tổ BVANTT quy định tại Điều này tối đa 05 thành viên/Tổ.

- Chế độ, chính sách đối với lực lượng tham gia BVANTT ở cơ sở

(1) Mức hỗ trợ thường xuyên hằng tháng: (a) Tổ trưởng: 1,0 mức lương cơ sở. (b) Tổ phó: 0,9 mức lương cơ sở. (c) Tổ viên: 0,8 mức lương cơ sở.

(2) Trường hợp người tham gia Tổ BVANTT kiêm nhiệm các chức danh khác hoặc các đối tượng khác kiêm nhiệm người tham gia Tổ BVANTT thì được hưởng 100% mức phụ cấp, bồi dưỡng, hỗ trợ của chức danh kiêm nhiệm. Trường hợp 01 người kiêm nhiệm nhiều chức danh chỉ được hưởng mức cao nhất.

(3) Mức bồi dưỡng ngày công lao động tăng thêm khi thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của cấp có thẩm quyền hoặc khi được điều động, huy động thực hiện nhiệm vụ từ 22 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ sáng ngày hôm sau, ngày nghỉ, ngày lễ; thực hiện công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo quy định của pháp luật về lao động; làm nhiệm vụ tại những nơi thuộc khu vực biên giới, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số hoặc xã, phường, thị trấn trọng điểm về quốc phòng: 100.000 đồng/người/ngày (đêm) nhưng không quá 10 ngày (đêm)/người/tháng.

(4) Hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế: (a) Hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện: Ngoài mức hỗ trợ bảo hiểm xã hội tự nguyện quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 134/2015/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ, hằng tháng người tham gia Tổ BVANTT tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện được ngân sách tỉnh hỗ trợ thêm 10% mức đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện thấp nhất quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 134/2015/NĐ-CP của Chính phủ. Trường hợp một người thuộc đối tượng áp dụng của các Nghị quyết khác của Hội đồng nhân dân tỉnh thì chỉ hưởng mức hỗ trợ cao nhất. (b) Hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế: Người tham gia Tổ BVANTT được ngân sách tỉnh hỗ trợ 3% mức lương cơ sở/người/tháng để đóng bảo hiểm y tế (trừ đối tượng đang được hưởng chế độ bảo hiểm y tế theo quy định).

(5) Hỗ trợ đối với người tham gia Tổ BVANTT ở cơ sở chưa đóng bảo hiểm y tế mà bị ốm đau, tai nạn, bị thương khi thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công, kế hoạch của cấp có thẩm quyền trong thời gian điều trị nội trú đến khi ổn định sức khỏe ra viện như sau: (a) Hỗ trợ 50% chi phí khám bệnh, chữa bệnh. (b) Hỗ trợ tiền ăn: 70.000 đồng/người/ngày.

(6) Hỗ trợ đối với người tham gia Tổ BVANTT ở cơ sở chưa đóng bảo hiểm xã hội mà bị tai nạn, chết khi thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công, kế hoạch của cấp có thẩm quyền hoặc khi điều động, huy động thực hiện nhiệm vụ trong khoảng thời gian và tuyến đường đi và về từ nơi ở đến nơi thực hiện nhiệm vụ như sau:

(a) Trường hợp bị tai nạn: Hỗ trợ 50% chi phí khám, chữa bệnh đối với phần chi phí đồng chi trả. Hỗ trợ tiền ăn theo mức quy định tại điểm b khoản 5 Điều

này trong thời gian điều trị, kể cả trường hợp vết thương tái phát cho đến khi ổn định sức khỏe ra viện.

(b) Trường hợp tai nạn dẫn đến chết, thân nhân được hưởng trợ cấp tiền tuất, tiền mai táng phí như sau: Tiền tuất: Hỗ trợ bằng 02 lần mức lương cơ sở. Tiền mai táng phí: Hỗ trợ bằng 10 lần mức lương cơ sở

6. Kỳ họp thứ 24 (tổ chức từ ngày 10/7 đến ngày 11/7/2024): Kỳ họp thường lệ giữa năm 2024 HĐND tỉnh, đã thông qua 21 nghị quyết (05 nghị quyết quy phạm pháp luật và 16 nghị quyết cá biệt). Nội dung cơ bản của một số cơ chế, chính sách được HĐND tỉnh ban hành tại kỳ họp thứ 24 như sau:

6.1. Quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục công lập từ năm học 2024 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (Nghị quyết số 17/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024)

- Đối tượng áp dụng: (a) Trẻ em mầm non, học sinh phổ thông đang theo học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên thuộc hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định của Luật Giáo dục. (b) Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên thuộc hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định của Luật Giáo dục.

- Mức thu học phí:

(1) Mức thu học phí từ năm học 2024 - 2025 đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông đang theo học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên như sau:

DVT: đồng/học sinh/tháng

Cấp học	Thành thị	Nông thôn	Miền núi, bãi ngang ven biển và hải đảo
Mầm non	105.000	45.000	20.000
Trung học cơ sở	60.000	30.000	15.000
Trung học phổ thông	105.000	65.000	20.000

(2) Học phí được thu tối đa 09 tháng/năm học. Ủy ban nhân dân tỉnh quy định thời điểm thu, phương thức thu học phí phù hợp với thực tế.

- Quy định về khu vực áp dụng mức thu học phí theo địa bàn nơi cơ sở giáo dục hoạt động: (1) Khu vực thành thị: Bao gồm các phường thuộc thành phố Tam Kỳ, thành phố Hội An và thị xã Điện Bàn; các tổ dân phố thuộc thị trấn của các huyện đồng bằng. (2) Khu vực nông thôn: Bao gồm các xã thuộc thành phố Tam Kỳ, thành phố Hội An, thị xã Điện Bàn và các xã huyện đồng bằng (trừ xã miền núi); các tổ dân phố thuộc thị trấn của các huyện miền núi. (3) Khu vực miền núi, bãi ngang ven biển và hải đảo: Bao gồm các thôn, xã miền núi; xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, xã đảo.

6.2. Quy định mức thu phí, lệ phí không đồng trong thực hiện dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh (Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024)

- Đối tượng áp dụng: (a) Tổ chức, cá nhân có yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính thông qua công dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh, thuộc các đối tượng thu các khoản phí, lệ phí quy định tại Điều 2 Nghị quyết này (trừ những đối tượng được miễn thu phí, lệ phí theo quy định của pháp luật). (b) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan được giao nhiệm vụ hoặc được phân cấp, ủy quyền thực hiện nhiệm vụ thu phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh.

- Mức thu phí, lệ phí không đồng đối với các dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến: (1) Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. (2) Phí đăng ký biện pháp bảo đảm. (3) Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp. (4) Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường. (5) Phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất. (6) Phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt. (7) Phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất. (8) Phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường. (9) Lệ phí đăng ký kinh doanh. (10) Lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam. (11) Lệ phí cấp giấy phép xây dựng. (12) Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất. (13) Lệ phí hộ tịch.

6.3. Tán thành chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2023 – 2025 (Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 11/7/2024)

- Sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện: Sáp nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của huyện Nông Sơn (diện tích: 471,64 km², dân số: 35.438 người) với huyện Quế Sơn (diện tích: 257,46 km², dân số: 104.128 người) để thành lập huyện Quế Sơn mới. Huyện Quế Sơn mới thành lập có diện tích: 729,1 km², dân số: 139.566 người.

- Sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã:

(a) Sáp nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của xã Sơn Viên, huyện Nông Sơn (diện tích: 28,46 km², dân số: 3.190 người) với xã Quế Lộc, huyện Nông Sơn (diện tích: 34,84 km², dân số: 6.484 người) để thành lập xã Quế Lộc mới thuộc huyện Quế Sơn. Xã Quế Lộc mới thành lập có diện tích: 63,3 km², dân số: 9.674 người.

(b) Sáp nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của xã Hiệp Thuận, huyện Hiệp Đức (diện tích: 30,75 km², dân số: 2.018 người) với xã Hiệp Hòa, huyện Hiệp Đức (diện tích: 60,53 km², dân số: 2.402 người) để thành lập xã Quế Tân mới thuộc huyện Hiệp Đức. Xã Quế Tân mới thành lập có diện tích: 91,28 km², dân số: 4.420 người.

(c) Sáp nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của xã Bình Định Bắc, huyện Thăng Bình (diện tích: 15,79 km², dân số: 5.130 người) với xã Bình Định Nam, huyện Thăng Bình (diện tích: 17,42 km², dân số: 5.090 người) để thành lập xã Bình Định mới thuộc huyện Thăng Bình. Xã Bình Định mới thành lập có diện tích: 33,21 km², dân số: 10.220 người.

(d) Sáp nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của xã Bình Chánh, huyện Thăng Bình (diện tích: 15,55 km², dân số: 5.078 người) với xã Bình Phú, huyện Thăng Bình (diện tích: 28,19 km², dân số: 4.658 người) để thành lập xã Bình Phú mới thuộc huyện Thăng Bình. Xã Bình Phú mới thành lập có diện tích: 43,74 km², dân số: 9.736 người.

(đ) Sáp nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của xã Duy Thu, huyện Duy Xuyên (diện tích: 12,92 km²; dân số: 5.313 người) với xã Duy Tân, huyện Duy Xuyên (diện tích: 8,64 km², dân số: 6.345 người) để thành lập xã Duy Tân mới thuộc huyện Duy Xuyên. Xã Duy Tân mới thành lập có diện tích: 21,56 km², dân số: 11.658 người.

(e) Sáp nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của xã Tiên Cẩm, huyện Tiên Phước (diện tích: 16,51 km², dân số: 3.207 người) với xã Tiên Sơn, huyện Tiên Phước (diện tích: 23,6 km², dân số: 4.175 người) để thành lập xã Tiên Sơn mới thuộc huyện Tiên Phước. Xã Tiên Sơn mới thành lập có diện tích: 40,11 km², dân số: 7.382 người.

(f) Sáp nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của xã Tam Vinh, huyện Phú Ninh (diện tích: 13,84 km², dân số: 5.607 người) với thị trấn Phú Thịnh, huyện Phú Ninh (diện tích: 6,48 km², dân số: 5.321 người) để thành lập thị trấn Phú Thịnh mới thuộc huyện Phú Ninh. Thị trấn Phú Thịnh mới thành lập có diện tích: 20,32 km², dân số: 10.928 người.

(g) Sáp nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của phường Phước Hòa, thành phố Tam Kỳ (diện tích: 0,66 km², dân số: 5.627 người) với phường An Xuân, thành phố Tam Kỳ (diện tích: 1,09 km², dân số: 12.953 người) để thành lập phường An Xuân mới thuộc thành phố Tam Kỳ. Phường An Xuân mới thành lập có diện tích: 1,75 km²; dân số: 18.580 người.

IV. Trả lời ý kiến cử tri

Trên cơ sở nội dung trả lời ý kiến cử tri của UBND tỉnh tại Báo cáo số 102/BC-UBND ngày 23/5/2024 về trả lời ý kiến cử tri sau kỳ họp thứ mười tám, HĐND tỉnh khóa X, đại biểu HĐND tỉnh lựa chọn nội dung để thông tin cho cử tri được biết (Báo cáo được đăng tải tại địa chỉ dbnd.quangnam.gov.vn - Mục **TÀI LIỆU KỶ HỌP – VĂN BẢN KHÁC**).

V. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2024

Đại biểu báo cáo với cử tri kết quả thực hiện nhiệm vụ đại biểu HĐND của mình trong năm 2024 theo quy định tại Điều 94 Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015 và khoản 27 Điều 2 Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương sửa đổi 2019.

VI. Thu thập, giải trình ý kiến kiến nghị của cử tri tại buổi tiếp xúc

Đại biểu thu thập đầy đủ ý kiến kiến nghị, phản ánh của cử tri ngoại trừ những ý kiến đã được các cấp, các ngành giải trình, trả lời rõ ràng tại buổi tiếp xúc.